

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2023/KDTM-PT**

Ngày: 03-7-2023

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Tú.

*Các Thẩm phán:* Ông Hoàng Kim Khánh

Bà Đinh Thị Tuyết.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trịnh Thị Vinh - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:*** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2023/TLPT-KDTM ngày 04/5/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/KDTM-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 26/5/2023, quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 07/2023/QĐ-PT ngày 14/6/2023, thông báo chuyển lịch phiên tòa số 623/TB -TA ngày 14/6/2023 và thông báo chuyển lịch phiên tòa số 634/TB-TA ngày 21/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Công ty TNHH xây dựng P; địa chỉ: Số 1xx đường P, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Bà Lưu Thị Thu H, sinh năm: 1976 (Theo Giấy ủy quyền ngày 02/3/2021); địa chỉ: Số 6x đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

***Bị đơn:*** Tổng Công ty bảo hiểm P; địa chỉ: Tầng x, tòa nhà P, số x đường P, quận C, thành phố Hà Nội.

***Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:*** Ông Phạm Anh Đ – Chức vụ: Tổng giám đốc - Tổng công ty bảo hiểm P. Vắng mặt.

***Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ:***

1. Bà Nguyễn Thị P, chức vụ: Phó giám đốc Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên, địa chỉ: số x đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt. (Theo Giấy ủy quyền số 97 ngày 07/5/2021).

2. Ông Nguyễn Đức A, chức vụ: Chuyên viên Phòng pháp chế - Tổng công ty bảo hiểm P, vắng mặt. (Theo Giấy ủy quyền số 58 ngày 27/3/2023).

3. Ông Nguyễn Kim D, chức vụ: Chuyên viên Ban GQKN - Tổng công ty bảo hiểm P, có mặt. (Theo Giấy ủy quyền số 58 ngày 27/3/2023).

4. Ông Đào Chiến T, chức vụ: Chuyên viên Phòng pháp chế - Tổng công ty bảo hiểm P, có mặt. (Theo Giấy ủy quyền số 58 ngày 27/3/2023).

5. Ông Ngô Xuân T, chức vụ: Chuyên viên Phòng pháp chế - Tổng công ty bảo hiểm P, có mặt. (Theo Giấy ủy quyền số 144 ngày 15/6/2023).

Cùng địa chỉ: Tầng x, tòa nhà P, số x đường P, quận C, thành phố Hà Nội.

6. Ông Phạm Triệu H, chức vụ: Trưởng phòng QLNV&BT – Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên, địa chỉ: Tầng x, Tòa nhà K, số 3x đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt. (Theo Giấy ủy quyền số 58 ngày 27/3/2023).

#### ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Tổng công ty bảo hiểm B; địa chỉ: Số x đường L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Quốc V, chức vụ: Trưởng phòng Giám định bồi thường, Công ty B Đắk Lắk (Theo giấy ủy quyền ngày 11/01/2023); Địa chỉ: Số 5x đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đ; Địa chỉ: Số 1x đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đặng Văn H, (Theo giấy ủy quyền ngày 18/8/2022); Địa chỉ: Số 1x đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

1. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị P là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Bà Lưu Thị Thu H trình bày có nội dung:*

Ngày 13/9/2018, Công ty TNHH xây dựng P (gọi tắt là Công ty P) ký Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng với Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên (Chi nhánh của Tổng công ty bảo hiểm P). Theo Hợp đồng bảo hiểm này, Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên đồng ý bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng cho Công ty P đối với công trình/dự án sau (sau đây gọi là “Công trình”): Công trình được bảo hiểm: Xây dựng các hạng mục thuộc phần xây dựng (trừ trạm biến áp), công trình: Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ; Địa điểm công trình: Phường Tân Lợi, Tp Buôn Ma Thuật, tỉnh Đắk Lắk; Người được bảo hiểm: Công ty TNHH xây dựng P; Giá trị công trình bảo hiểm: 28.475.759.000 đồng; Số tiền bảo hiểm/Trách nhiệm bảo hiểm: a) Thiệt hại vật chất: Số tiền bảo hiểm: 28.475.759.000 đồng; b) Trách nhiệm đối với bên thứ ba: + Đối với tài sản: 1.000.000.000đ/vụ; + Đối với người: 50.000.000đ/người/vụ, tối đa

1.000.000.000đ/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm. Tổng phí bảo hiểm: **31.617.000 đồng.**

Ngay sau khi ký Hợp đồng, Công ty P đã thực hiện đúng đầy đủ phí bảo hiểm theo thoả thuận trong Hợp đồng. Ngày 12/04/2019, trong khi Công ty P đang thi công công trình thì xảy ra sự cố gây thiệt hại về người và tài sản. Công ty P đã thực hiện thông báo ngay cho công ty bảo hiểm theo thoả thuận.

Trong ngày 12/4/2019, đại diện Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên đã xuống hiện trường giám định thiệt hại, cụ thể thiệt hại được hai bên xác định: Ước tính diện tích thiệt hại: 12,4m x 21m = 260 m<sup>2</sup>; Ước thiệt hại khoảng 500 bộ giàn giáo cốt pha (chưa giám định hư hỏng chi tiết do hiện trường đang niêm phong); Hai bên thống nhất chờ cơ quan chức năng kết luận nguyên nhân gây thiệt hại.

Ngày 15/10/2019, Sở xây dựng đã có Thông báo số 2748/TB-SXD kết luận nguyên nhân sự cố tại công trình đang thi công. Sau khi có kết luận, Công ty P đã liên hệ Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên để hoàn thiện hồ sơ bảo hiểm theo cam kết nhưng không nhận được sự hợp tác của Công ty bảo hiểm.

Tháng 05/2020, Công ty P, đại diện chủ đầu tư, đơn vị tư vấn giám sát đã tiến hành xác nhận khối lượng khắc phục sự cố đối với sự cố bảo hiểm của công trình.

Ngay sau khi có khối lượng, Công ty P đã xác định thiệt hại theo hồ sơ giá trị công trình mua bảo hiểm với Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên và gửi cho Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên. Từ khi xảy ra sự kiện bảo hiểm đến nay, Công ty P đã rất nhiều lần yêu cầu Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên chi trả tiền bồi thường cho Công ty P nhưng không được chấp nhận.

Vì vậy, Công ty P đã khởi kiện, đề nghị Toà án buộc Tổng công ty bảo hiểm P có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các tổn thất xảy ra do sự cố Công trình trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ vào ngày 12/4/2019. Tổng số tiền thiệt hại yêu cầu bồi thường là 1.475.096.000 đồng. Và đề nghị Toà án xem xét tính lãi theo quy định của pháp luật do chậm trễ bồi thường.

*\* Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị P trình bày có nội dung:*

Công ty Bảo hiểm P xác nhận việc ký kết hợp đồng và số tiền bảo hiểm như Công ty P trình bày. Tuy nhiên căn cứ Hợp đồng bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng số DLA.D18.CAR.17.HD143 ngày 20/9/2017 giữa Sở Lao động, thương binh và xã hội tỉnh Đắk Lắk và Công ty B Đắk Lắk thì trường hợp này là bảo hiểm trùng theo luật kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 12/4/2019 đã xảy ra sự cố sập giàn giáo chống ván khuôn sàn dẫn đến toàn bộ khối lượng giàn giáo chống, ván khuôn, bê tông và cốt thép sàn mái khu vực Hội trường sụp xuống gây hư hỏng toàn bộ và hư hỏng hệ thống dầm, sàn nền Hội trường, Công ty P có thông báo cho Công ty bảo hiểm.

Ngày 17/4/2019 Công ty B Đắk Lắk có Công văn số 136/BVĐL về việc thông báo tổn thất Công trình trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ gửi Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên. Sau đó Công ty B Đắk Lắk và Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên cùng thống nhất chỉ định đơn vị giám định độc lập là Công ty cổ phần giám định T (SICO) giám định. Ngày 07/4/2021, Công ty B Đắk Lắk có Công văn số 121/2021/BVĐL gửi Ban

quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đ về việc cung cấp hồ sơ phục vụ công tác giải quyết bồi thường tổn thất Công trình trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ.

Căn cứ theo Báo cáo giám định cuối cùng công trình: Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ ngày 04/6/2021 của Công ty cổ phần giám định T xác định giá trị tổn thất là 427.221.873 đồng. Vì vậy, do các bên giao kết hợp đồng bảo hiểm trùng, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mỗi doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà bên mua bảo hiểm đã giao kết. Số tiền bảo hiểm cho phần tổn thất vật chất công trình của Công ty B Đắc Lắc và Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên bằng nhau. Vì vậy Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên đồng ý cùng với Công ty B Đắc Lắc bồi thường cho Công ty P theo giá trị tổn thất mà Công ty cổ phần giám định T xác định là 427.221.873 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng công ty bảo hiểm P có trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các tổn thất xảy ra do sự cố Công trình trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ vào ngày 12/4/2019. Tổng số tiền thiệt hại yêu cầu bồi thường là 1.475.096.000 đồng và tiền lãi chậm trễ bồi thường thì bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đ, ông Đặng Văn H trình bày có nội dung:*

Dự án Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ trước đây do Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đắc Lắc làm chủ đầu tư, sau đó bàn giao lại cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đ (Ban QLDA) làm chủ đầu tư (theo Quyết định số 416/QĐ-UBND ngày 23/02/2018 của UBND tỉnh Đắc Lắc), trong đó có bàn giao các hồ sơ liên quan của dự án, cụ thể:

1. Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH xây dựng P - Hợp đồng số 09/2017/HĐXD ngày 21/4/2017.

2. Nhà thầu bảo hiểm công trình: Công ty B Đắc Lắc - Hợp đồng số DLA.D18.CAR.17.HD143 ngày 20/9/2017.

Ngày 12/4/2019 đã xảy ra sự cố sập giàn giáo chống ván khuôn sàn dẫn đến toàn bộ khối lượng giàn giáo chống, ván khuôn, bê tông và cốt thép sàn mái khu vực Hội trường sụp xuống gây hư hỏng toàn bộ và hư hỏng hệ thống dầm, sàn nền Hội trường. Sau khi xảy ra sự cố trên, với trách nhiệm của chủ đầu tư dự án, căn cứ Hợp đồng bảo hiểm đã ký kết, Ban QLDA đã yêu cầu Công ty B Đắc Lắc thực hiện trách nhiệm bồi thường tổn thất theo quy định của Hợp đồng số DLA.D18.CAR.17.HD143 ngày 20/9/2017 đã ký. Việc Nhà thầu thi công xây dựng tham gia ký hợp đồng bảo hiểm rủi ro xây dựng với Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên hoàn toàn không thuộc trách nhiệm của Ban QLDA.

Ý kiến của Ban QLDA về vụ án “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” giữa Công ty P và Tổng công ty bảo hiểm P: Đề nghị Tòa án xem xét, xử lý vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án*

*nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 166, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 306 của Luật thương mại; Căn cứ các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 40, Điều 44 và Điều 46 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010); Căn cứ Điều 385 Bộ luật dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng P về việc yêu cầu bồi thường giá trị thiệt hại theo Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng số 18/24/04/BHKT/PC00094 giữa Công ty Công ty TNHH xây dựng P và Tổng công ty bảo hiểm P.

Buộc bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền 1.440.952.000 đồng và tiền lãi là 717.810.239 đồng.

*Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/3/2023, bà Nguyễn Thị P là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo đề nghị HĐXX căn cứ kết luận giám định cuối cùng của Công ty cổ phần giám định T để giải quyết vụ án. Tổng thiệt hại là 965.808.733 đồng, sau khi khấu trừ những hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp thì thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm là 427.221.873 đồng. Đề nghị Tòa án không chấp nhận cách tính lãi của Tòa án cấp sơ thẩm về số tiền chậm thanh toán. Đây là bảo hiểm trùng, trách nhiệm bồi thường thuộc các Công ty bảo hiểm đã tham gia bảo hiểm. Vì vậy, đề nghị Tòa án tuyên Tổng công ty bảo hiểm P chỉ có nghĩa vụ bồi thường 50% đối với thiệt hại xảy ra. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thiệt hại về giàn giáo bị hư hại và chi phí dọn dẹp tháo dỡ thì bị đơn không chấp nhận vì các hạng mục trên không phải là các hạng mục xây dựng, không nằm trong Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mà các bên đã ký kết.

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX căn cứ kết quả giám định thiệt hại thực tế mà Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ T đã thẩm định, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát phân tích, đánh giá và cho rằng kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần đơn kháng cáo bị đơn, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 09/3/2023 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng P. Buộc bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH xây dựng P số tiền 965.808.733 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền miễn thường theo quy định tại điểm b khoản 7.2 Điều 7 của hợp đồng là 20.000.000đ và số tiền thanh lý phế liệu 14.144.000đ. Số tiền phải bồi thường là 931.664.733 đồng và tiền lãi chậm trả 10% theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 kể từ thời điểm có kết luận giám định cuối cùng đến ngày xét xử sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị P là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất ngày 13/9/2018, Công ty P có ký hợp đồng bảo hiểm rủi ro xây dựng số C94/BHKT/24/4/18 với Chi nhánh Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên (thuộc Tổng công ty bảo hiểm P) đối với công trình: “*Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ*”, giá trị công trình được bảo hiểm 28.475.759.000 đồng, phí bảo hiểm là 31.617.000 đồng. Thời hạn bảo hiểm từ 07 giờ ngày 01/12/2017 đến 07 giờ ngày 12/9/2019. Các bên đương sự thống nhất với nhau có sự kiện bồi thường xảy ra và thuộc trách nhiệm bồi thường của Tổng công ty bảo hiểm P nên không cần phải chứng minh. Hiện tại các bên tranh chấp với nhau về mức bồi thường, cụ thể như sau:

+ Nguyên đơn yêu cầu bồi thường tổng số tiền thiệt hại là 1.475.096.000 đồng và đề nghị Toà án xem xét tính lãi theo quy định của pháp luật do chậm bồi thường.

+ Bị đơn chỉ chấp nhận bồi thường số tiền 427.221.873 đồng và không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về hồ sơ thiết kế công trình: Đã được thuyết minh thiết kế biện pháp thi công thể hiện trong hồ sơ dự thầu và đã được chủ đầu tư chấp thuận. Do đó đơn vị thi công đã thi công đúng theo biện pháp thi công được xét duyệt.

[2.2] Về nguyên nhân xảy ra sự kiện bảo hiểm: Theo Thông báo số 2748/TB-SXD ngày 15/10/2019 của Sở xây dựng tỉnh Đắk Lắk đã kết luận nguyên nhân sự cố tại công trình đang thi công: “*Sự cố sập giàn giáo tại công trình trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đắk Lắk là do sự mất ổn định của hệ giàn giáo chống đỡ ván khuôn trong quá trình đổ*

*bê tông mái khu vực hội trường. Việc mất ổn định giàn giáo nêu trên là do quá trình thực hiện lắp ráp không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật thi công; cụ thể như sau: Sử dụng loại giàn giáo khung hình dạng chữ H (loại chỉ dùng để hoàn thiện không dùng cho chịu lực) có chiều cao lắp chồng lên từ 4 đến 6 tầng, giàn kết hợp hệ xà gồ bằng gỗ để chống đỡ ván khuôn dầm sàn. Hệ giàn giáo có độ mảnh lớn, biện pháp giằng không đảm bảo ổn định và không thực hiện thử khả năng chịu tải trọng của hệ giàn giáo trước khi tiến hành đổ bê tông; các biện pháp tăng cường cho sự ổn định giàn giáo không đảm bảo; Ngoài ra, theo Công văn số 1086/SXD-CCGD ngày 13/4/2020 của Sở Xây dựng xác định ngoài các nguyên nhân trên còn có nguyên nhân xuất phát từ chi tiết bằng gỗ trọng hệ xà gồ đỡ ván khuôn có chất lượng kém đã bị gãy (tại vị trí trục 2A – 4A/1B -2B) trong quá trình đang thực hiện đổ bê tông gây hiệu ứng kéo theo sụp đổ hệ giàn giáo chống đỡ ván khuôn”.*

[2.3] Xác định mức độ tổn thất: Sau khi sự cố xảy ra thì Công ty B Đắc Lắc và Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên cùng thống nhất chỉ định đơn vị giám định độc lập là Công ty cổ phần giám định T (SICO) thực hiện việc giám định để xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Ngày 04/6/2021 Công ty cổ phần giám định T đã có báo cáo giám định cuối cùng và xác định nguyên nhân xảy ra sự cố là do khuyết tật vật liệu và lỗi tay nghề gây ra. Mức độ thiệt hại là 965.808.733 đồng. (Trong đó: cột bê tông cốt thép: 11.498.249đ; dầm sàn bê tông cốt thép tầng 1: 148.599.700đ; dầm sàn bê tông cốt thép tầng 3: 805.710.832 đồng).

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn đề nghị và Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột đã chỉ định Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ T tiến hành thẩm định lại. Ngày 15/7/2022 Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ T xác định thiệt hại là 1.480.224.000đ.

Như vậy, giá trị thiệt hại mà các Công ty thẩm định đưa ra là khác nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 9 của Hợp đồng bảo hiểm thì khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì bên B (Công ty Bảo hiểm PVI) có quyền chỉ định đơn vị giám định độc lập để giám định thiệt hại. Khi tiến hành chỉ định đơn vị giám định, Công ty Bảo hiểm cũng đã có văn bản thông báo cho nguyên đơn biết nhưng không có ý phản hồi và thực tế nguyên đơn cũng đã phối hợp với đơn vị giám định thông qua Biên bản giám định về tổn thất; bản vẽ hiện trạng; phiếu yêu cầu hồ sơ ngày 18/4/2019. Vì vậy, cần căn cứ vào kết quả giá định của Công ty cổ phần giám định T làm căn cứ giải quyết. Hơn nữa, hồ sơ giám định của Công ty cổ phần giám định T đã xác định đầy đủ và chi tiết từng hạng mục thiệt hại. Trong khi đó Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ T chỉ xác định diện tích bị thiệt hại là  $272\text{m}^2 \times 5.442.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.480.224.000\text{đ}$  là chưa xác định đầy đủ các thiệt hại thực tế đã xảy ra đối với từng hạng mục.

[2.4] Về giá trị thiệt hại, số tiền bồi thường: Công ty bảo hiểm P Tây Nguyên chỉ chấp nhận bồi thường số tiền 427.221.873 đồng và cho rằng Hợp đồng bảo hiểm không phát sinh trách nhiệm đối với các hạng mục bị tổn thất trực tiếp do khuyết tật vật liệu và do tay nghề kém gây ra mà chỉ phát sinh trách nhiệm bồi thường đối với các hạng mục tổn thất là hậu quả hay tổn thất gián tiếp nên đã loại bỏ các hạng mục bị tổn thất trực tiếp ra khỏi danh sách hạng mục tính toán và xem xét bồi thường. Tuy nhiên, theo quy định tại mục 3.2 Điều 3 của Hợp đồng bảo hiểm các bên còn thỏa thuận các điều khoản bổ sung: “Cam kết liên quan đến vật liệu xây dựng” (MR 109). Nội dung này chưa được các bên thỏa thuận rõ trong hợp đồng. Tuy nhiên, theo quy định Điều 21

Luật Kinh doanh Bảo hiểm 2000 về Giải thích hợp đồng bảo hiểm: “*Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm có điều khoản không rõ ràng thì điều khoản đó được giải thích theo hướng có lợi cho bên mua bảo hiểm*”. Căn cứ vào các nội dung trên thì một trong những nguyên nhân dẫn đến sự cố sập giàn giáo chống ván khuôn sàn dẫn đến toàn bộ khối lượng giàn giáo chống, ván khuôn, bê tông và cốt thép sàn mái khu vực Hội trường sụp xuống gây hư hỏng toàn bộ và hư hỏng hệ thống dầm, sàn nền Hội trường là do một số chi tiết bằng gỗ trọng hệ xà gồ đỡ ván khuôn có chất lượng kém đã bị gãy (tại vị trí trục 2A – 4A/1B -2B) trong quá trình đang thực hiện đổ bê tông gây hiệu ứng kéo theo sụp đổ hệ giàn giáo chống đỡ ván khuôn nằm trong điều kiện được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm mà các bên đã ký kết, phù hợp với quy định tại Điều 46 Luật kinh doanh bảo hiểm.

Như vậy, tổng số tiền thiệt hại là 965.808.733 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền miễn thường theo quy định tại điểm b khoản 7.2 Điều 7 của hợp đồng là 20.000.000đ. Số tiền phải bồi thường là **945.808.733 đồng**.

[2.5] Về lãi suất: Theo Hợp đồng bảo hiểm thì các bên không thỏa thuận về lãi suất. Tuy nhiên, sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra thì nguyên đơn cũng đã có văn bản yêu cầu bồi thường nhưng chưa được phía công ty bồi thường. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng mức lãi suất 10% của số tiền chậm trả là phù hợp. Tại Điều 10.3 và 10.4 của Hợp đồng bảo hiểm quy định thời hạn thông báo trả tiền bồi thường: Trong vòng 30 ngày sau khi bên B nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ. Theo quy định tại điểm b Điều 10.4 của Hợp đồng bảo hiểm thì hồ sơ yêu cầu bồi thường gồm các tài liệu sau: thông báo tổn thất; báo cáo giám định cuối cùng; Quy tắc bảo hiểm áp dụng; Các tài liệu, hóa đơn, chứng từ thể hiện mức độ tổn thất... Ngày 04/6/2021 SICO mới phát hành Báo cáo giám định cuối cùng. Vì vậy, thời gian tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Hợp đồng bảo hiểm là từ ngày 04/7/2021 cho tới thời điểm xét xử cụ thể là phù hợp. Cụ thể như sau:  $945.808.733đ \times 10\%/năm \times 613 \text{ ngày} = 161.050.209 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền mà Tổng công ty bảo hiểm P phải bồi thường cho Công ty TNHH xây dựng P là  $945.808.733đ + 161.050.209đ = \mathbf{1.106.858.000đồng}$ . Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 368.238.000đ.

[2.6] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền tháo dỡ, dọn dẹp hiện trường với số tiền 353.369.000đồng và trị giá giàn giáo bị hư hại là 299.000.000đ. HĐXX nhận thấy, Tại Quy tắc Bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng Ban hành kèm theo Quyết định số 268/QĐ-PVIBH ngày 13/4/2015 của Tổng công ty bảo hiểm P thể hiện “*Bảo hiểm P cũng sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường sau khi xảy ra sự cố dẫn tới khiếu nại theo Quy tắc bảo hiểm này với điều kiện là số tiền bảo hiểm cho chi phí này phải được quy định riêng trong giấy chứng nhận bảo hiểm*” (Phần I- Tổn thất vật chất). Xét thấy trong hợp đồng bảo hiểm cũng như giấy chứng nhận bảo hiểm không quy định nội dung này nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trên.

Đối với yêu cầu bồi thường số tiền thiệt hại do giàn giáo bị hư hại (299.000.000đ). Hội đồng nhận định như sau: Đối với thiệt hại do giàn giáo bị hư hỏng xét thấy đây là các trang thiết bị để nhà thầu thi công công trình, không nằm trong hạng mục xây dựng.

Vì vậy, phần tổn thất của giàn giáo không thuộc trách nhiệm bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm mà các bên đã ký kết.

[2.7] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng thiệt hại thực tế là 427.221.873 đồng và chỉ chấp nhận bồi thường  $\frac{1}{2}$  số tiền trên, không chấp nhận trả lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Như đã nhận định tại mục [2.4], kết quả giám định của Công ty cổ phần giám định T thì thiệt hại thực tế là 965.808.733 đồng nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, buộc nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi thường số tiền mà công ty giám định độc lập đã đưa ra là phù hợp.

Về lãi suất: Hợp đồng bảo hiểm không quy định về lãi suất chậm trả, tuy nhiên sau khi thiệt hại xảy ra nguyên đơn đã có yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại nhưng hiện tại nguyên đơn vẫn chưa bồi thường được đồng nào nên việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi sau khi có kết quả giám định cuối cùng là phù hợp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn là chưa hợp lý mà chỉ tính mức lãi chậm trả theo như phía bị đơn trình bày là phù hợp.

Về bảo hiểm trùng: Công trình trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Đ ngoài việc được Công ty P mua bảo hiểm của P thì trước đó đã được Ban quản lý dự án mua bảo hiểm của Công ty Bảo hiểm B. Đây thuộc trường hợp B trùng được quy định tại Điều 44 Luật kinh doanh bảo hiểm.

#### **Điều 44. Hợp đồng bảo hiểm trùng.**

*1. Hợp đồng bảo hiểm trùng là trường hợp bên mua bảo hiểm giao kết hợp đồng bảo hiểm với hai doanh nghiệp bảo hiểm trở lên để bảo hiểm cho cùng một đối tượng, với cùng điều kiện và sự kiện bảo hiểm.*

*2. Trong trường hợp các bên giao kết hợp đồng bảo hiểm trùng, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, mỗi doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà bên mua bảo hiểm đã giao kết. Tổng số tiền bồi thường của các doanh nghiệp bảo hiểm không vượt quá giá trị thiệt hại thực tế của tài sản.*

Vì vậy, khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì một trong hai đơn vị mua bảo hiểm đều có quyền khởi kiện và người thụ hưởng là nhà thầu thi công. Về số tiền bảo hiểm cho phần tổn thất vật chất công trình của Công ty B Đăk Lăk và Tổng công ty bảo hiểm P là bằng nhau (28.475.759.000đ). Theo các quy định trên thì khi xảy ra sự kiện bảo hiểm thì mỗi doanh nghiệp bảo hiểm chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng mà bên mua bảo hiểm đã giao kết và không vượt quá giá trị thực tế của tài sản. Trong vụ án này, thiệt hại thực tế là 1.106.858.000đồng, quá trình khởi kiện nguyên đơn chỉ khởi kiện bên bán bảo hiểm là Tổng công ty bảo hiểm P có nghĩa vụ bồi thường. Vì vậy, Tổng công ty bảo hiểm P phải có nghĩa vụ bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty P. Sau khi thanh toán tiền cho Công ty P thì Tổng công ty bảo hiểm P có quyền yêu cầu Công ty B Đăk Lăk hoàn trả 50% số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 44 Luật kinh doanh bảo hiểm 2000.

[3] Về chi phí thẩm định.

Do kết quả thẩm định giá của Công ty Thẩm định giá và Dịch vụ T không được sử dụng để giải quyết vụ án nên Công ty TNHH xây dựng P phải chịu chi phí thẩm định với số tiền 33.000.000đ (đã chi phí xong).

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận một phần nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P nên cần sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột là phù hợp.

[5] Về án phí:

[5.1] Về án phí KDTM sơ thẩm: Do sửa một phần bản án nên án phí sơ thẩm được tính lại như sau: Buộc bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo mức tính:  $36.000.000đ + 3\% \times (1.106.858.000đ - 800.000.000đ) = 45.205.000$  đồng.

Công ty TNHH xây dựng P phải chịu án phí đối với phần không được Tòa án chấp nhận là  $368.238.000đ \times 5\% = 18.411.000đ$ .

[5.2] Về án phí KDTM phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 21, 30, 32, 41, 42, 44, 46, 48 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (được sửa đổi, bổ sung năm 2010);

Căn cứ Điều 26; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị P là người đại diện hợp pháp của bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 09/3/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng P về việc yêu cầu bồi thường giá trị thiệt hại theo Hợp đồng bảo hiểm và Giấy chứng nhận bảo hiểm mọi rủi ro xây dựng số 18/24/04/BHKT/PC00094 giữa Công ty TNHH xây dựng P và Tổng công ty bảo hiểm P.

Buộc bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P phải có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH xây dựng P số tiền **1.106.858.000đ** (*Một tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, tám trăm năm mươi tám nghìn đồng*).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền **368.238.000đ** (*Ba trăm sáu mươi tám triệu, hai trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về chi phí thẩm định giá: Công ty TNHH xây dựng P phải chịu chi phí thẩm định giá với số tiền 33.000.000đ (đã chi phí xong).

3. Về án phí:

3.1 Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P phải chịu 45.205.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Nguyên đơn Công ty TNHH xây dựng P phải chịu 18.411.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 28.126.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013715 ngày 15/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH xây dựng P số tiền 9.715.000đ.

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bị đơn Tổng công ty bảo hiểm P không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm và được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2022/0001617 ngày 28/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án th quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS tp Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Vũ Văn Tú**